

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc H, địa chỉ: Xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quang H1, địa chỉ: Xóm K, thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người làm chứng:* Ông Lý Quốc C, địa chỉ: T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông H, ông H1 và ông C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-5-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Ngọc H trình bày:

Do chỗ bạn bè quen biết nên ngày 13-6-2010 ông có cho ông Lê Quang H1 vay số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay nhưng ông H1 nói khi nào làm ăn có sẽ trả lãi cho ông. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông Lê Quang H1 không trả gốc và lãi cho ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông H1 trả nợ nhưng ông H1 chỉ hứa nhưng không thực hiện. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quang H1 trả

cho ông 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 261.250.000đ (hai trăm sáu mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 10-8-2018 ông Phạm Ngọc H rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quang H1 trả cho ông số tiền nợ gốc mà ông H1 đã vay là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Quang H1 trình bày:

Giấy mượn tiền đề ngày 13/6/Canh Dần (2010) do ông H cung cấp cho Tòa án là do ông viết, nhưng thực tế ông chỉ mượn ông H 240.000.000đồng vào năm 2010. Do ông không có tiền trả nên năm 2016 ông H tính gộp tiền lãi vào số tiền gốc 240.000.000đồng và ép buộc ông viết giấy mượn ông H 550.000.000đồng. Việc ông H ép buộc ông viết giấy mượn 550.000.000đồng thì ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, ông cũng không báo cáo với Công an và chính quyền địa phương về việc ông H ép buộc ông viết giấy mượn 550.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Ngọc H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Quang H1. Tại thời điểm ông H khởi kiện thì ông Lê Quang H1 đang cư trú tại xóm Khê Ba, thôn Mỹ Lại, xã Tịnh Khê, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Lê Quang H1 nhưng ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

[3] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Ngọc H cho rằng năm 2010 ông Lê Quang H1 có vay của ông số tiền 550.000.000đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng). Lời khai của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H phù hợp với giấy mượn tiền đề ngày 13/6/Canh Dần (2010) mà ông H đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Lý Quốc C tại phiên tòa sơ thẩm. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lê Quang H1 cũng thừa nhận giấy mượn tiền đề ngày 13/6/Canh Dần (2010) do ông H cung cấp cho Tòa án là do ông viết, nhưng ông H1 cho rằng ông chỉ vay của ông H 240.000.000đồng vào năm 2010, do ông không có tiền trả nên năm 2016 ông H tính gộp tiền lãi vào số tiền gốc 240.000.000đồng và ép buộc ông viết giấy mượn số tiền 550.000.000đồng. Khai nại này của ông H1 không được ông H thừa nhận, ông H1 cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông chỉ vay của ông H 240.000.000đồng và ông H ép buộc ông H1 viết giấy mượn tiền đề ngày 13/6/Canh Dần (2010). Do đó, có căn cứ xác định ông Lê Quang H1 có vay của ông Phạm Ngọc H 550.000.000đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) như ông H đã trình bày.

[4] Trong giấy mượn tiền đề ngày 13/6/Canh Dần (2010) không thể hiện lãi suất cho vay và thời hạn trả nợ nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông H trình bày đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông H1 không trả. Ngoài ra, theo các tài liệu do ông H cung cấp cho Tòa án thể hiện: Ngày 06-4-2018 ông H đã có thông báo yêu cầu ông Lê Quang H1 trả nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận thông báo nhưng ông H1 vẫn không trả nợ theo yêu cầu của ông H. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Quang H1 trả số tiền nợ gốc 550.000.000đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với tiền lãi: Trong đơn khởi kiện ông Phạm Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Quang H1 trả 247.500.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 10-8-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Ngọc H rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quang H1 trả số tiền nợ gốc là 550.000.000đồng. Việc nguyên đơn ông Phạm Ngọc H rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H được Tòa án chấp nhận nên ông Lê Quang H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 550.000.000đồng mà ông H1 phải trả cho ông H, cụ thể ông Lê Quang H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $20.000.000\text{đồng} + (4\% \times 150.000.000\text{đồng}) = 26.000.000\text{đồng}$. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Ngọc H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H.
2. Buộc ông Lê Quang H1 phải trả cho ông Phạm Ngọc H 550.000.000đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).
3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H.
4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí:

Ông Lê Quang H1 phải chịu 26.000.000đồng (hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Ngọc H 18.337.500đồng (mười tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003211 ngày 16-5-2018.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

